

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 18/19/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 09 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26/12/2017 của Tổng Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 31/TTr-TTT ngày 24/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh.

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm công khai nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và gửi nội dung công khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện công khai theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2243/QĐ-CTUBND ngày 17/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh.

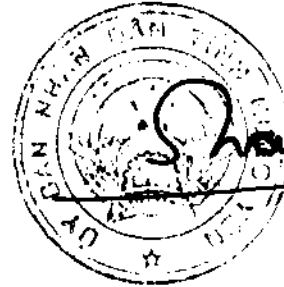


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .ngcc ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTth.

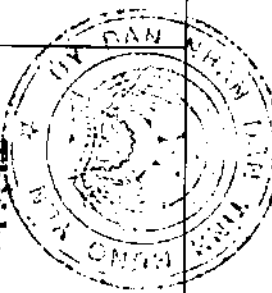
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)



Stt	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Hình thức thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (Điện dấu "x")		Căn cứ pháp lý
					Được tiếp nhận hồ sơ	Được trả kết quả	

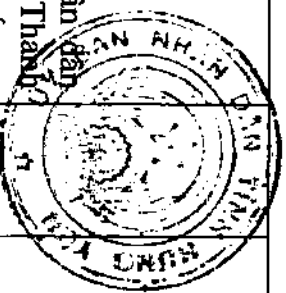
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
---	---	---	--	-------	---	---	---

2/18

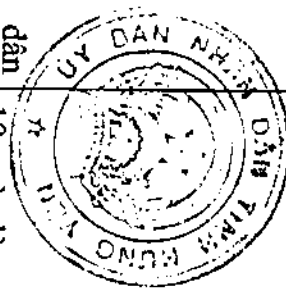
gpc

2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	X	- Luật khiếu nại năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
---	---	---	---	-------	---	---

II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	X	X	- Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
--------------------------------	--	--	-------	---	---	---

III. Lĩnh vực tiếp công dân

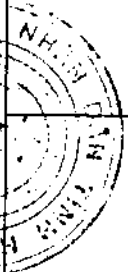
<p>Tiếp công dân tại cấp tỉnh</p>	 <p>10 ngày làm việc</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</p>	<p>Không</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
-----------------------------------	---	---	--------------	--	--

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

<p>Xử lý đơn tại cấp tỉnh</p>	<p>10 ngày</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</p>	<p>Không</p>	<p>x</p>	<p>x</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;
-------------------------------	----------------	---	--------------	----------	--

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



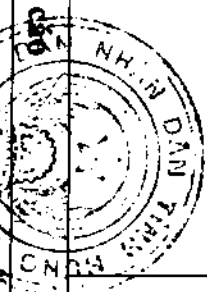
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực giải quyết Khiếu nại

										- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
										- Luật khiếu nại năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Ủy ban nhân dân cấp huyện, thanh tra huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	X	X				- Luật khiếu nại năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	Không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	X	X				- Luật khiếu nại năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

[Handwritten mark]

[Handwritten signature]

	giải quyết.										<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
											
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo											
	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	x	x					<ul style="list-style-type: none"> - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
III. Lĩnh vực tiếp công dân											
	Tiếp công dân tại cấp huyện	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thanh tra huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Không							<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;



IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

										<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

										<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

Giải quyết khiếu	Không quá 30 ngày,	Ủy ban nhân dân	Không	x	x	- Luật Khiếu nại năm 2011.
------------------	--------------------	-----------------	-------	---	---	----------------------------

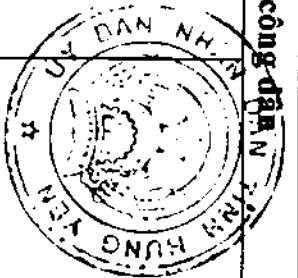
nại lần đầu tại cấp xã	kể từ ngày thụ lý đề giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết.	cấp xã					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
------------------------	--	--------	--	--	--	--	---

II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

Giải quyết tố cáo tại cấp xã	60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
------------------------------	--	------------------------	-------	---	---	---

(Handwritten signature)

III. Lĩnh vực tiếp công dân



Tiếp công dân tại cấp xã	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
--------------------------	------------------	------------------------	-------	--	--	--

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

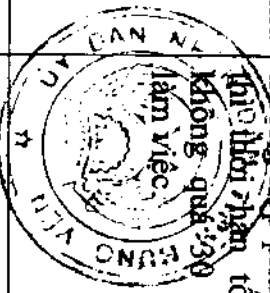
Xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;
----------------------	---------	------------------------	-------	---	---	---

- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

Lĩnh vực phòng chống tham nhũng

1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.	Các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước các doanh nghiệp nhà nước	Không	x	x		<ul style="list-style-type: none">- Luật phòng chống tham nhũng năm 2005;- Nghị định số 78/2013/ND-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;- Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.	
2	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	Các cơ quan nhà nước từ tỉnh, huyện, xã, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước.	Không	x	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật phòng chống tham nhũng năm 2005;- Nghị định số 78/2013/ND-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;- Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.		
3	Thủ tục xác	15 ngày làm việc,	Cơ quan thanh tra	Không	x	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật phòng chống tham nhũng năm 2005;		

	minh tài sản, thu nhập	 Trường hợp phức tạp tại Hội thảo tối đa không quá 30 ngày làm việc	nhà nước các cấp, bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước.				- Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
4	Thu tục yêu cầu giải trình	05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước.	Không	x	x	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013.
5	Thu tục yêu cầu giải trình	15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước.	Không			- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013.